

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388/STNMT-VP

Điện Biên, ngày 28 tháng 5 năm 2018

V/v Báo cáo số liệu tình hình ứng dụng  
công nghệ thông tin quý II/2018

Kính gửi: Sở Thông tin và truyền thông

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 502/STTTT-CNTT ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc đề nghị Báo cáo số liệu tình hình ứng dụng công nghệ thông tin quý II/2018.

Sau khi rà soát, tổng hợp tài liệu liên quan. Sở Tài nguyên và môi trường tổng hợp gửi Sở Thông tin và truyền thông báo cáo số liệu tình hình ứng dụng công nghệ thông tin quý II/2018. /s

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Hiền

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ CỦA TỈNH

## MỤC 1. ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

### 1. Các ứng dụng đã triển khai

*Ghi chú: Các CQNN của tỉnh có thể triển khai nhiều ứng dụng*

- Ứng dụng cơ bản là ứng dụng phục vụ chung cho hoạt động quản lý và công tác quản trị nội bộ trong các CQNN của tỉnh (nhân sự, tài sản, kinh phí hoạt động...).

- Ứng dụng chuyên ngành là ứng dụng nhằm thực hiện những công việc, nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước riêng của tỉnh.

#### 1.1. Ứng dụng cơ bản

a. Quản lý nhân sự:  Có  Không

b. Quản lý kế toán - tài chính:  Có  Không

c. Quản lý tài sản:  Có  Không

d. Quản lý Thi đua - Khen thưởng:  Có  Không

đ. Các ứng dụng nội bộ khác, nêu rõ tên ứng dụng: Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice

1.2. Ứng dụng chuyên ngành: Cung cấp danh sách các ứng dụng chuyên ngành tại Bảng 01

### 2. Phần mềm Một cửa điện tử

*Ghi chú: Phần mềm Một cửa điện tử là một ứng dụng CNTT nhằm tin học hóa các giao dịch giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan hành chính nhà nước và giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo cơ chế “một cửa, một cửa liên thông”*

Cơ quan, đơn vị có triển khai phần mềm một cửa:  Có  Không

Nếu có cung cấp thông tin sau:

- Tỷ lệ thủ tục hành chính đã được đưa vào Phần mềm Một cửa điện tử để xử lý hồ sơ qua mạng: .....%

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Phần mềm Một cửa điện tử (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018): ..... hồ sơ

- Tổng số hồ sơ được giải quyết đúng hạn (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018): ..... hồ sơ, Tỷ lệ: ..... %

### 3. Hệ thống thư điện tử của tỉnh (Phần báo cáo dành riêng cho VP UBND tỉnh)

3.1. Tổng số CBCCVC của tỉnh đã được cấp tài khoản thư điện tử: ..... người, Tỷ lệ: ..... %

Trong đó:

- Số lượng CBCCVC cấp tỉnh được cấp tài khoản thư điện tử: ..... người, Tỷ lệ: ..... %

- Số lượng CBCCVC cấp huyện được cấp tài khoản thư điện tử: ..... người, Tỷ lệ: .....%

- Số lượng CBCCVC cấp xã được cấp tài khoản thư điện tử: ..... người, Tỷ lệ: .....%

3.2. Kích thước tập tin tối đa (KT) cho phép đính kèm trong hệ thống thư điện tử dùng chung của Tỉnh là bao nhiêu?

KT < 10 Mb       10 Mb ≤ KT ≤ 20 Mb       KT > 20 Mb

3.3. Dung lượng hòm thư tối đa (DL) cho mỗi tài khoản trong hệ thống thư điện tử dùng chung của Tỉnh là bao nhiêu?

500 Mb < DL < 2Gb       2Gb ≤ DL ≤ 5Gb       DL > 5 Gb

3.4. Tỷ lệ CBCCVC của tỉnh thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc: ..... %

**4. Thông tin phục vụ đánh giá hiệu quả sử dụng Hệ thống QLVBĐH** (Phần báo cáo dành riêng cho VP UBND tỉnh)

4.1. Tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) cấp tỉnh

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử:.....%

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy:.....%

- Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống QLVBĐH từ cấp tỉnh đến cấp huyện: ..... %

- Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống QLVBĐH từ cấp tỉnh đến cấp xã: ..... %

4.2. Thống kê tại Văn thư của Văn phòng UBND tỉnh (Từ 01/01/2018 đến hết ngày 31/5/2018)

- Thống kê văn bản điện tử: Tổng số văn bản đi thống kê trên hệ thống QLVBĐH tại bộ phận Văn thư của Văn phòng UBND tỉnh (gọi tắt là tổng số văn bản điện tử -  $\Sigma$ VBĐT): ..... văn bản.

- Thống kê văn bản giấy: Tổng số văn bản đi thống kê trên Sổ đăng ký văn bản đi tại bộ phận Văn thư của Văn phòng UBND tỉnh (gọi tắt là tổng số văn bản giấy -  $\Sigma$ VBG): ..... văn bản

- Tỷ lệ giữa tổng số văn bản điện tử ( $\Sigma$ VBĐT)/ tổng số văn bản giấy ( $\Sigma$ VBG): ..... %

**5. Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP - Local Government Service Platform)** (Phần báo cáo dành riêng cho VP UBND tỉnh)

Tỉnh đã xây dựng LGSP cấp Tỉnh chưa?

Đã xây dựng       Đang xây dựng       Chưa xây dựng

**6. Hệ thống hội nghị truyền hình** (Phần báo cáo dành riêng cho VP UBND tỉnh)

Số cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình trên tổng số cuộc họp giữa UBND tỉnh với các CQNN cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện hiện từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018: ...../.....

**MỤC 2. TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HOẶC CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
(Phần báo cáo dành riêng cho VP UBND tỉnh)

Thông tin về Website/Portal chính thức của tỉnh

1. Số lượng truy cập từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018 (theo công cụ đếm số lần truy cập): .....
2. Số lượng tin, bài, văn bản cung cấp trên Website/Portal chính thức của tỉnh:

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Số lượng tin, bài, văn bản đã đăng tải từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018</b>
1	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	
2	Thông tin chỉ đạo, điều hành	
a	Ý kiến chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố	
b	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
c	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	
d	Lịch làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cơ quan (đăng tải theo tuần làm việc)	
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách	
a	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	
b	Chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	
4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển	
a	Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tại tỉnh, thành phố	
b	Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư	
c	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	
d	Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên	
d	Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải	
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan	

TT	Tiêu chí	Số lượng tin, bài, văn bản đã đăng tải từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018
6	Công báo điện tử	
7	Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	
a	Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách cần xin ý kiến	
b	Ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	
8	Thông tin báo cáo thống kê	
9	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	
10	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	
	...	
	Tổng số	

### **MỤC 3. CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

1. Tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị): 94 dịch vụ
2. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2: 94 dịch vụ
3. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:
  - Tổng số DVCTT mức độ 3: 0 dịch vụ
  - Tổng số DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0 dịch vụ
  - Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến (hồ sơ trực tuyến) qua các DVCTT mức độ 3 từ đầu năm đến nay (tính từ 01/01/2018 đến 31/5/2018): 0 hồ sơ
  - Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 3 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến) từ đầu năm đến nay (tính từ 01/01/2018 đến 31/5/2018): 20 hồ sơ
  - Cung cấp thông tin chi tiết về các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo biểu mẫu tại **Bảng 02**.
4. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:
  - Tổng số DVCTT mức độ 4: 0 dịch vụ
  - Tổng số DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0 dịch vụ
  - Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến (hồ sơ trực tuyến) qua các DVCTT mức độ 4 từ đầu năm đến nay (tính từ 01/01/2018 đến 31/5/2018): 0 hồ sơ
  - Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 4 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến) từ đầu năm đến nay (tính từ 01/01/2018 đến 31/5/2018): 0 hồ sơ

## BẢNG 2: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3

Ghi chú:

- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (5), (6) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.

TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Hiệu quả sử dụng		Ghi chú
				Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết (tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018)	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến (tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

## BẢNG 3. DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

Ghi chú:

- Không bao gồm các DVCTT mức độ 3 đã kê khai ở trên.

- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (5), (6) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.

TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Hiệu quả sử dụng		Hình thức thanh toán trực tuyến (Ghi rõ: Chuyển khoản, thẻ, hình thức khác nếu có)
				Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết (tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018)	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến (tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

**BẢNG 1: DANH SÁCH CÁC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH**

TT	Tên ứng dụng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan xây dựng ứng dụng <i>Đánh dấu [x] vào ô phù hợp</i>		Quy mô sử dụng <i>Đánh dấu [x] vào ô phù hợp</i>		Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác <i>(Có: 1/ Không: 0)</i>
			Ứng dụng do Bộ chuyên ngành xây dựng	Ứng dụng do tỉnh xây dựng	Tại CQNN cấp tỉnh	Toàn tỉnh	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
...							

- Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 4 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến) từ đầu năm đến nay (tính từ 01/01/2018 đến 31/5/2018): 0 hồ sơ

- Cung cấp thông tin chi tiết về các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo biểu mẫu tại **Bảng 03.**

---

#### **MỤC 4. NHÂN LỰC CHO ỨNG DỤNG CNTT**

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách về CNTT (văn bằng trong lĩnh vực CNTT):

- Số lượng CBCCVC có chứng chỉ về An toàn bảo mật (CISSP, Security+, CISA, CISM...): ..... người

- Số lượng CBCCVC có các chứng chỉ về Quản trị mạng (MCSE, MCSA, CCNA, CCNP...): 01 người

- Số lượng CBCCVC có chứng chỉ về Quản trị cơ sở dữ liệu (MCDBA, OCA, OCM, OCP...): ..... người

---

#### **MỤC 5. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

1. Họ và tên người thực hiện báo cáo: Phạm Tiến Dũng

2. Đơn vị công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường Điện Biên

3. Điện thoại: 02153 812015

4. Thư điện tử: stnmt@dienbien.gov.vn